

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
số: 37/2017/DS-GĐT
Ngày 07-9-2017
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- *Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:*
12 (mười hai) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án
Toà án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:* Ông Lê
Thành Dương - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên
tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cổ Lệ D, sinh năm 1950; cư trú tại: 1001S Main Street #
Q205 Milpitas CA 95035 USA.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cổ Mỹ L, sinh năm 1958;
cư trú tại: Số 160/12, đường H, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2014).

Bị đơn: Chị Cổ Nguyệt S, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 250/1 đường L,
Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Vĩnh K, sinh năm 1979;
cư trú tại: Số 175/6, đường N, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng
là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2013).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cổ Thị B, sinh năm 1938; cư trú tại: 347 Tramway Road Milpitas
CA, 95035, USA;

2. Bà Cổ Kim H (Cổ Mỹ H), sinh năm 1964; cư trú tại: 4002 KelVington
CT San Jose CA 95121 USA;

3. Ông Cổ T, sinh năm 1965; cư trú tại: 4002 KelVington CT San Jose
CA 95121 USA;

Người đại diện hợp pháp của bà Cổ Thị B, bà Cổ Kim H và ông Cổ T: Bà Cổ Mỹ L, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 160/12, đường H, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2014).

4. Bà Cổ Ngọc K, sinh năm 1941; cư trú tại: 347 Tramway Road Milpitas CA, 95035, USA;

Người đại diện hợp pháp của bà Cổ Ngọc K: Bà Cổ Mỹ L, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 160/12, đường H, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2013).

5. Bà Cổ Mỹ L, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 160/12, đường H, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bà Cổ Mỹ L: Ông Trịnh Duy T1, sinh năm 1988; cư trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2014).

6. Ông Cổ T2, sinh năm 1947; cư trú tại: 2198 LUZ Ave Santose CA, 95116 USA.

7. Chị Cổ Nguyệt A, sinh năm 1970; cư trú tại: 1871 Gillian Way, San Jose 96132 USA.

8. Chị Cổ Nguyệt H1, sinh năm 1973; cư trú tại: Số 250/1, đường L, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 123, đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Anh Phạm Minh H2, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 250/1, đường L, Phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2013 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Cổ Lệ D trình bày: Cha mẹ của bà là vợ chồng cụ Cổ N, cụ Cổ Ngọc T3 có 07 người con chung gồm bà, bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Mỹ L, bà Cổ Kim H, ông Cổ T và ông Cổ T2.

Trước năm 1975, vợ chồng cụ Cổ N tạo lập được mảnh đất (đo thực tế hiện nay là 7.022,5m²) và 01 căn nhà cấp 4 khoảng 150m² trên đất tại thửa 11 và thửa 58, tờ bản đồ số 38, số 36/2 đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (địa chỉ cũ là số 15 đường H, khóm T, phường C, thành phố V). Năm 1986, bà làm thủ tục bảo lãnh cụ N, cụ T3 sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ sinh sống cùng các con (hiện 06 người con của vợ chồng cụ N sống tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, chỉ có bà Cổ Mỹ L hồi hương về Việt Nam). Theo quy định của pháp luật Việt Nam muốn xuất cảnh sang nước ngoài định cư thì phải cam kết không có tài sản tại Việt Nam, nên vợ chồng cụ N làm giấy ủy quyền cho chị Cổ

Nguyệt A (cháu nội của vợ chồng cụ N, con của ông Cổ T2) trông coi nhà đất trên, giao toàn bộ giấy tờ nhà đất cho chị A. Năm 1991, cụ Cổ N qua đời tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, không để lại di chúc. Theo pháp luật Việt Nam thì cụ Cổ Ngọc T3 (chết năm 2010 tại Hoa Kỳ) và 07 anh chị em ruột của bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cổ N. Ngày 03/3/2000, cụ T3 lập “Giấy nhượng quyền sở hữu tài sản thừa kế” để lại cho 07 anh chị em ruột của bà toàn bộ nhà, đất nêu trên; văn bản này được lập tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại SanFrancisco, Hoa Kỳ. Năm 2005, chị Cổ Nguyệt A sang Hoa Kỳ đoàn tụ gia đình, nên chị A tiếp tục làm văn bản ủy quyền cho chị Cổ Nguyệt S (em ruột của chị A) quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên. Bà yêu cầu Tòa án chia toàn bộ di sản nhà đất nêu trên bằng hiện vật cho 07 anh chị em trong gia đình, phần thừa kế của bà được hưởng thì bà giao cho bà Cổ Mỹ L quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xin rút yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà cấp 4, chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế 7.022,5m² đất.

Bị đơn là chị Cổ Nguyệt S trình bày: Chị nhất trí với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc đất đang tranh chấp (đo thực tế 7.022,5m²) là của vợ chồng cụ Cổ N, cụ Cổ Ngọc T3 (là ông bà nội của chị). Năm 1986, cụ N và cụ T3 được các con bảo lãnh sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ sinh sống, nên ngày 14/6/1986, vợ chồng cụ N ký “Giấy ủy quyền” cho chị Cổ Nguyệt A (chị ruột của chị) được toàn quyền quản lý, định đoạt nhà đất số 15, đường H nêu trên (Giấy ủy quyền này có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Châu Thành); đồng thời giao toàn bộ giấy tờ nhà đất cho chị A. Tại thời điểm năm 1986 pháp luật chưa có quy định về hợp đồng tặng cho nhà đất, mà hình thức chỉ là giấy ủy quyền, đồng thời để được nhập cư sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ sinh sống, cụ N, cụ T3 phải cam kết không còn tài sản tại Việt Nam. Năm 1993, Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên vào dự án trồng rừng và giao diện tích đất này cho hộ ông Nguyễn Duy T4, hộ ông Trần Đình L1 và hộ bà Đỗ Thị T5 trồng rừng. Chị không nhận được Quyết định thu hồi diện tích đất trên. Năm 1995, chị A có đơn khiếu nại các cấp về việc thu hồi diện tích đất nêu trên. Năm 2005, chị A được bảo lãnh sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ định cư, nên chị A làm giấy ủy quyền cho chị được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt nhà đất nêu trên. Năm 2012, Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra Quyết định thu hồi diện tích đất trồng rừng của hộ ông T4, ông L1 và bà T5 để giao lại cho chị. Ngày 07/02/2013, chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất trên. Ngày 14/5/2013, chị tách lô đất trên thành 02 thửa, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa 11, diện tích 2.078m²; thửa 58, diện tích 4.994,4m². Căn nhà của vợ chồng cụ N để lại đã xuống cấp, nên chị đã xây lại nhà mới trên nền nhà cũ. Chi phí xây nhà là của chị, chị không nhận tiền từ Hoa Kỳ của các cô chú. Nhà đất thuộc quyền sở hữu,

sử dụng của chị, không phải di sản thừa kế của cụ N và cụ T3. Chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Kim H và ông Cổ T (đều sống ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ) ủy quyền cho bà Cổ Mỹ L làm đại diện có yêu cầu độc lập, thống nhất với lời khai của nguyên đơn về huyết thống và yêu cầu Tòa án chia di sản nêu trên bằng hiện vật, phần của các ông, bà giao cho bà L quản lý.

Chị Cổ Nguyệt A trình bày: Trước khi sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ định cư, vợ chồng cụ Cổ N đã làm giấy ủy quyền cho chị toàn bộ nhà đất nêu trên, vợ chồng cụ N chấm dứt quyền quản lý, sử dụng nhà đất trên từ năm 1986. Năm 2005, chị sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ định cư nên đã làm văn bản tặng lại nhà đất này cho chị Cổ Nguyệt S (em ruột của chị). Sau này Ủy ban nhân dân thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị S là đúng. Hiện chị đang sinh sống tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, nên chị xin vắng mặt khi Tòa án xét xử và cam kết không khiếu nại.

Ông Cổ T2 (cha của chị S, chị A) trình bày: Ông là con trai trưởng của vợ chồng cụ Cổ N. Năm 1986, vợ chồng cụ N sang Hợp chủng quốc Hoa Kỳ định cư phải từ bỏ quyền sở hữu đối với nhà đất nêu trên, nên đã ra chính quyền làm thủ tục ủy quyền cho chị A toàn bộ tài sản. Tất cả các con cháu của vợ chồng cụ N đều biết điều này và không ai có ý kiến gì. Toàn bộ tài sản đang tranh chấp không phải là di sản của vợ chồng cụ N. Ông không liên quan đến tài sản tranh chấp nên không yêu cầu phân chia tài sản trên.

Chị Cổ Nguyệt H1 trình bày: Chị là em ruột của chị Cổ Nguyệt A và chị Cổ Nguyệt S. Chị không biết quá trình sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào. Chị không nhận tiền từ bà Cổ Mỹ L cũng như các cô chú từ Hoa Kỳ gửi về, kể cả cha của chị là ông Cổ T2. Nhà đất đang tranh chấp là tài sản riêng của chị S, chị không tranh chấp.

Anh Phạm Minh H2 trình bày: Anh là chồng hợp pháp của chị Cổ Nguyệt S. Nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của chị S, anh không tranh chấp.

Ông Nguyễn Ngọc X trình bày: Ông nhận chuyển nhượng 3.000m² đất tại thửa 11 của chị Cổ Nguyệt S với giá 12.000.000.000 đồng, hai bên có ký hợp đồng chuyển nhượng (chưa công chứng, không ghi ngày tháng); ông đã giao cho chị S 9.000.000.000 đồng, ông đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng và không tranh chấp trong vụ án này.

Tại Bản dân sự sơ thẩm số 04/2014/DS-ST ngày 25/02/2014 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 13/TB-TA ngày 20/3/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Cổ Mỹ L là đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn là bà Cổ Lệ D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Kim H, ông Cổ T và bà Cổ Mỹ L rút 01 phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với căn nhà cấp 4 khoảng 150m², đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Cổ Lệ D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Kim H, bà Cổ Mỹ L, ông Cổ T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ Cổ N và cụ Cổ Ngọc T3 đối với căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 150m² tại 36/2 V, phường 6, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cổ Lệ D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Mỹ L, bà Cổ Kim H, ông Cổ T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ Cổ N gồm 3.511,25m² quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 11, 56 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại 36/2 V, phường 6, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cổ Lệ D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: bà Cổ Thị B, bà Cổ Ngọc K, bà Cổ Mỹ L, bà Cổ Kim H, ông Cổ T về việc buộc chị Cổ Nguyệt S chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ Cổ Ngọc T3 gồm 3.511,25m² quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 11, 56 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại 36/2 V, phường 6, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Chị Cổ Nguyệt S được quyền sử dụng diện tích 7.022,5m² đất tại thửa số 11, thửa số 56, tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại 36/2 V, phường 6, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 630608 và số BN 630609 ngày 14/5/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho chị Cổ Nguyệt S (theo sơ đồ đo vẽ ngày 30/10/2013).

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/3/2014, bà Cổ Mỹ L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 157/2014/DS-PT ngày 03/7/2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Cổ Mỹ L (đồng thời đại diện nguyên đơn và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác) và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2014/DS-ST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 24/7/2014 bà Cổ Mỹ L có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2017/KN-DS ngày 19/6/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử

giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 157/2014/DS-PT ngày 03/7/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2014/DS-ST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà Cổ Lệ D, bị đơn là chị Cổ Nguyệt S cùng các con, cháu ruột của vợ chồng cụ Cổ N đều thừa nhận về quan hệ huyết thống và nguồn gốc 7.022,5m² đất đang tranh chấp là của vợ chồng cụ Cổ N để lại.

[2] Tại “Giấy ủy quyền” ngày 16/4/1986 có nội dung: Vợ chồng cụ Cổ N cư ngụ tại nhà số 15, đường H, Ô 7, khóm T, phường C, thành phố V có căn nhà và đất tại địa chỉ nêu trên do vợ chồng cụ xây dựng từ trước năm 1975, vợ chồng cụ phải đi Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ gia đình nên vợ chồng cụ ủy quyền lại cho chị Cổ Nguyệt A (cháu nội của hai cụ) được trọn quyền định đoạt, quản lý và sử dụng nhà và đất nói trên. “Giấy ủy quyền” có chữ ký đề tên cụ Cổ N, cụ Cổ Ngọc T3, chị Cổ Nguyệt A và xác nhận của Ban nhân dân khóm T, Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V ngày 16/4/1986.

[3] Trong khi đó, bà Cổ Lệ D cùng các người con của vợ chồng cụ Cổ N (trừ ông Cổ T2) đều thừa nhận vợ chồng cụ Cổ N chỉ ủy quyền cho chị Cổ Nguyệt A quản lý, trông coi nhà đất nêu trên. Thực tế, ngày 24/4/2000 cụ Cổ Ngọc T3 lập “Giấy cho đất” có nội dung: Cụ Cổ Ngọc T3 có 02 thửa đất tại địa chỉ số 15, đường H, khóm T, phường C, thành phố V. Vì lý do cụ ở xa và già yếu nên cụ làm giấy này cho 02 thửa đất nêu trên cho cháu nội đích tôn là chị Cổ Nguyệt A. Do đất là của gia tộc nên cụ chỉ giao cho, được quyền chăm sóc và canh tác hoặc xây cất nhà ở, không được quyền sang nhượng hoặc dưới hình thức mua bán nào khác (Có chữ ký đề tên cụ T3 và xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco tại giấy này).

[4] Mặt khác, tại “Giấy ủy quyền” ngày 30/8/2005 của chị Cổ Nguyệt A cho chị Cổ Nguyệt S có nội dung: Chị A ủy quyền cho chị S toàn bộ nhà đất cùng giấy tờ do vợ chồng cụ Cổ N đã ủy quyền cho chị A từ ngày 16/4/1986 để chị S thay chị A trông coi và chăm sóc đất và nhà do ông bà nội để lại (có chữ ký của chị A, chị S, chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố V cùng ngày). Tại “Giấy cho nhà và đất” ngày 28/3/2009 giữa chị Cổ Nguyệt A với chị Cổ Nguyệt S cũng có nội dung: Năm 1986 ông bà nội của chị A cho chị A nhà đất tại địa chỉ số 15, đường H nêu trên (địa chỉ mới là số 36/2, đường V, Phường 6, thành phố V); chị A đã làm giấy cho đất cho chị S để chị S bỏ túc hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vì đây là đất của gia tộc, ông bà nội để lại cho con cháu, được quyền cất nhà ở, không được quyền sang bán (giấy

này có chữ ký đề tên chị A và xác nhận của công chứng viên tại Bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ngày 28/3/2009 và xác nhận hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ ngày 17/4/2009).

[5] Như vậy, tuy tại “Giấy ủy quyền” ngày 16/4/1986 vợ chồng cụ Cổ N xác nhận ủy quyền cho chị Cổ Nguyệt A được trọn quyền định đoạt, quản lý và sử dụng nhà và đất nói trên, nhưng sau đó cụ Cổ Ngọc T3 có văn bản xác nhận cụ T3 chỉ cho chị A được quyền chăm sóc và canh tác hoặc xây cất nhà ở, không được quyền sang nhượng hoặc dưới hình thức mua bán nào khác đối với diện tích đất tranh chấp. Năm 2005, chị Cổ Nguyệt A có văn bản ủy quyền cho chị Cổ Nguyệt S và năm 2009 có văn bản tặng cho chị S đều xác định đất của gia tộc, ông bà nội để lại cho con cháu, được quyền cất nhà ở, không được quyền sang bán. Do đó, có căn cứ xác định vợ chồng cụ Cổ N ủy quyền cho chị A quản lý, sử dụng nhà đất của hai cụ ở Việt Nam, sau đó chị A giao cho chị S quyền quản lý, sử dụng mà không được sang bán.

[6] Hồ sơ kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Cổ Nguyệt S (do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cung cấp) thể hiện: Tại “Đơn xin phục hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp” ngày 25/4/2000, chị Cổ Nguyệt A xác nhận: “...Vào năm 1987, vì lý do đoàn tụ gia đình theo diện bảo lãnh, ông bà nội của tôi là Cổ N và Cổ Ngọc T3 đã có nhờ cháu nội là Cổ Nguyệt A trông coi đất ở...”. Tại “Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/12/2007 do chị Cổ Nguyệt S đứng tên kê khai, Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố V xác nhận ngày 20/3/2009: “Nguồn gốc đất do cụ Cổ N khai phá cất nhà ở và trồng cây từ trước năm 1975. Năm 1986 cụ Cổ N ủy quyền lại cho cháu là Cổ Nguyệt A sử dụng. Đến năm 2005 chị A ủy quyền cho chị Cổ Nguyệt S sử dụng...”. Tại Biên bản xác minh ngày 28/4/2017, bà Nguyễn Thị Thu H3 - Chuyên viên Phòng Tài Nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố V xác nhận: Diện tích đất đã xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Cổ Nguyệt S chính là diện tích đất cụ Cổ N để lại khi đi định cư ở nước ngoài.

[7] Chị Cổ Nguyệt S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 7.022m² đất trên cơ sở chị S kê khai nguồn gốc đất của vợ chồng cụ Cổ N để lại, không phải trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Do đó, nhà đất số 36/2, đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là tài sản thừa kế của cụ Cổ N và cụ Cổ Ngọc T3 để lại. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định vợ chồng cụ N đã cho chị Cổ Nguyệt A và chị A cho chị Cổ Nguyệt S nhà, đất nêu trên, nên diện tích đất tranh chấp không phải là di sản của vợ chồng cụ N, cụ T3 là không đúng pháp luật. Tuy nhiên, thực tế do chị A và chị S có công

quản lý, duy trì di sản cũng như khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để đòi lại diện tích đất trên nên khi giải quyết lại vụ án Tòa án cần phải xem xét cho chị Cổ Nguyệt A và chị Cổ Nguyệt S được hưởng công sức quản lý, duy trì, tôn tạo di sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/2017/KN-DS ngày 19/6/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 157/2014/DS-PT ngày 03/7/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2014/DS-ST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn là bà Cổ Lệ D với bị đơn là chị Cổ Nguyệt S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (để biết);
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (kèm hồ sơ vụ án);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (2b), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nguyễn Hòa Bình